

Tên đơn vị: Trường TH, THCS & THPT Văn Lang

Biểu số 05

DANH SÁCH HỌC SINH HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024 - 2025

Thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại NQ 204/2019/NQ-HĐND & NQ 248/NQ-HĐND & NQ 22/NQ-HĐND

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ và tên học sinh	Lớp	Đối tượng	Mức thu học phí	Mức hỗ trợ (40%*2.340.000đ)	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (số tháng*mức hỗ trợ/mức thu học phí) (1)	Ghi chú
1	Đỗ Bảo Châu	2A	Bố thương binh	3,950,000	936,000	4	3,744,000	
2	Vũ Thành Lâm	2C	Bố tai nạn lao động	3,950,000	936,000	4	3,744,000	
3	Vũ Lâm Vũ	6B	Bố tai nạn lao động	2,950,000	936,000	4	3,744,000	
4	Đào Bảo Khánh	9B	Bố suy giảm khả năng lao động	2,500,000	936,000	4	3,744,000	
5	Nguyễn Phương Thảo	10C	Bố mắc bệnh nghề nghiệp	3,050,000	936,000	4	3,744,000	
6	Phạm Khánh Vân	10H	Bố mắc bệnh nghề nghiệp	3,050,000	936,000	4	3,744,000	
7	Nguyễn Hoàng Long	11A	Mẹ tai nạn lao động	2,900,000	936,000	4	3,744,000	
8	Phan Anh Hùng	11G	Bố tai nạn lao động	2,900,000	936,000	4	3,744,000	
9	Lê Thu Huyền	11H	Bố mắc bệnh nghề nghiệp	2,900,000	936,000	4	3,744,000	
10	Từ Đức Minh	12A	Bố mắc bệnh nghề nghiệp	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
11	Trần Thị Ngân Hà	12B	Bố mắc bệnh nghề nghiệp	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
12	Phạm Nguyễn Minh Khôi	12B	Mẹ tai nạn lao động	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
13	Vũ Ngọc Hân	12D	Bố mắc bệnh nghề nghiệp	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
14	Ngô Mai Trang	12D	Mẹ tai nạn lao động	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
15	Nguyễn Yến Nhi	12G	Con thương binh	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
16	Phạm Lê Kim Ngân	12G	Bố tai nạn lao động	2,700,000	936,000	4	3,744,000	
	Tổng cộng						59,904,000	

Bảng chữ: Năm mươi chín triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng!

Ghi chú: Các đơn vị gửi kèm quyết định thu học phí năm học 2024 - 2025

(1) Nếu mức thu học phí nhỏ hơn mức hỗ trợ thì kinh phí hỗ trợ bằng mức thu học phí*số tháng

Hạ Long, ngày 02 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Thủ trưởng đơn vị

Quỳnh Minh Huyền

0904.488.483

TRƯỜNG
THCS VÀ THPT
VĂN LANG
Huyện Yên Bái
TỈNH YÊN BÁI

Hoàng Thị Kim Khánh